BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2015/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết một số nội dung về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết lĩnh vực đầu tư, quy trình thủ tục thực hiện và giám sát các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là PPP) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Các dự án nhà máy nhiệt điện được đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực là đơn vị giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước; hoặc đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định tại Điều 3 Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

2. Đơn vị đề xuất dự án là một trong các đơn vị sau:

a) Đối với các dự án do Bộ Công Thương đề xuất: Đơn vị đề xuất dự án là đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương.

b) Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất: Đơn vị đề xuất dự án là nhà đầu tư.

3. Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi là một trong các đơn vị sau:

a) Đối với các dự án do Bộ Công Thương đề xuất: Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi là các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương.

b) Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất: Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi là nhà đầu tư.

4. Đơn vị thẩm định đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi (sau đây gọi tắt là đơn vị thẩm định) là đơn vị được Bộ trưởng Bộ Công Thương giao chủ trì thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

Điều 3. Lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi Bộ Công Thương quản lý

Các dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị hoặc dịch vụ công trong các lĩnh vực:

1. Nhà máy điện (bao gồm cả các dự án sử dụng nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo); đường dây tải điện.

2. Công trình kết cấu hạ tầng thương mại

a) Chợ;

b) Trung tâm thương mại, siêu thị;

c) Trung tâm hội chợ triển lãm;

d) Trung tâm logistic;

đ) Kho hàng hóa.

3. Các dự án khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2015/NĐ-CP) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP

1. Xây dựng và tổ chức phổ biến chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị hoặc cung cấp dịch vụ theo hình thức đối tác công tư.

3. Tổ chức xúc tiến đầu tư các dự án được công bố.

4. Tổ chức thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi.

5. Công bố các đề xuất dự án được phê duyệt.

6. Lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

7. Theo dõi, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện dự án.

8. Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 5. Lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án

1. Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Điều 5 và Điều 13 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP gửi đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP để trình Bộ trưởng Bộ Công Thương tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm toàn ngành.

2. Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao và kết quả phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất dự án (đối với dự án nhóm C), đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công Thương lập kế hoạch vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án gửi về đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công cho năm tiếp theo.

3. Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước 5 năm và hàng năm, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

Điều 6. Hội đồng thẩm định

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định để tiến hành thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án nhóm A, nhóm B.

2. Tùy tính chất, quy mô dự án, Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành phần Hội đồng thẩm định và đơn vị thực hiện nhiệm vụ thường trực Hội đồng thẩm định.

Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ DỰ ÁN

Mục 1
DỰ ÁN DO BỘ CÔNG THƯƠNG ĐỀ XUẤT

Điều 7. Điều kiện lựa chọn dự án

Dự án do Bộ Công Thương đề xuất thuộc lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 3

của Thông tư này được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;

3. Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng;

4. Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng Kinh doanh - Quản lý.

Điều 8. Hồ sơ đề xuất dự án

Hồ sơ đề xuất dự án 02 bộ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định đề xuất dự án;

2. Đề xuất dự án. Nội dung đề xuất dự án phải phù hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Điều 9. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án

1. Đơn vị đề xuất dự án gửi hồ sơ đề xuất dự án tới đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP kiểm tra hồ sơ và và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

3. Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đơn vị thẩm định tổ chức thẩm định đề xuất dự án.

Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, căn cứ mức vốn và nguồn vốn dự kiến sử dụng, đơn vị đề xuất dự án có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề xuất phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định.

4. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt đề xuất dự án. Trường hợp, kết luận thẩm định không thông qua đề xuất dự án, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP thông báo bằng văn bản tới đơn vị đề xuất dự án và nêu rõ lý do.

Mục 2
DỰ ÁN DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT

Điều 10. Điều kiện lựa chọn dự án

Dự án do nhà đầu tư đề xuất thuộc lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 3 của Thông tư này được lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Công Thương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Có khả năng thu hút và tiếp nhận nguồn vốn thương mại, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhà đầu tư;

3. Có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên tục, ổn định, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng;

4. Có tổng vốn đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ dự án đầu tư theo hợp đồng Kinh doanh - Quản lý;

5. Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án.

Điều 11. Hồ sơ đề xuất dự án

Hồ sơ đề xuất dự án 02 bộ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định đề xuất dự án;

2. Đề xuất dự án. Nội dung đề xuất dự án phải phù hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

3. Tài liệu xác nhận tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

4. Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự (nếu có);

5. Các tài liệu cần thiết khác để giải trình đề xuất dự án (nếu có).

Điều 12. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án

1. Trường hợp đề xuất dự án thuộc quy mô nhóm C

a) Nhà đầu tư gửi đề xuất dự án tới đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP.

b) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP kiểm tra hồ sơ và yêu cầu nhà đầu tư bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

c) Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP tổ chức thẩm định đề xuất dự án.

d) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Trường hợp kết luận thẩm định không thông qua đề xuất dự án, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP thông báo bằng văn bản tới nhà đầu tư đề xuất dự án và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp đề xuất dự án thuộc quy mô nhóm A, B:

a) Nhà đầu tư gửi đề xuất dự án tới đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP.

b) Trong vòng 05 ngày làm việc, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP kiểm tra hồ sơ và yêu cầu nhà đầu tư bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

c) Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đơn vị thẩm định tổ chức thẩm định đề xuất dự án.

d) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Trường hợp, kết luận thẩm định không thông qua đề xuất dự án, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP thông báo bằng văn bản tới nhà đầu tư đề xuất dự án và nêu rõ lý do.

Điều 13. Công bố dự án

1. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP tổng hợp và công bố các đề xuất dự án được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Nội dung dự án được công bố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Chương III
LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Điều 14. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Đối với dự án do Bộ Công Thương đề xuất, căn cứ quyết định phê duyệt đề xuất dự án, đơn vị đề xuất dự án có trách nhiệm tổ chức lập hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất, căn cứ quyết định phê duyệt đề xuất dự án, Bộ Công Thương giao nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

Nội dung thỏa thuận giữa Bộ Công Thương và nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Điều 15. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Nội dung cơ bản của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào mục tiêu, tính chất dự án, các bên liên quan có thể thỏa thuận những nội dung khác với điều kiện không trái với quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, Thông tư này và quy định của pháp luật.

Điều 16. Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi 02 bộ, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi;

3. Bản sao báo cáo thẩm định phê duyệt đề xuất dự án;

4. Bản sao quyết định phê duyệt đề xuất dự án;

5. Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

Điều 17. Thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, nhóm B

1. Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi nộp hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi tới đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP.

2. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP kiểm tra hồ sơ và và yêu cầu đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ.

3. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

4. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định được thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án nhóm A.

Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thẩm định được thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án nhóm B.

Đối với dự án có cấu phần xây dựng, thường trực Hội đồng thẩm định lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

6. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, đơn vị thường trực Hội đồng thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Điều 18. Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi được điều chỉnh khi xuất hiện một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

2. Thủ tục thẩm định và phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Chương IV
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển

1. Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tổ chức lập hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để lập hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Nội dung hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2015/NĐ-CP).

3. Đơn vị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

4. Đơn vị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện thẩm định kết quả sơ tuyển theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 84 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 20. Lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi có trách nhiệm tổ chức hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm phù hợp lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt

Hồ sơ trình phê duyệt 02 bộ, bao gồm:

a) Văn bản trình phê duyệt trong đó nêu tóm tắt quá trình thực hiện. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

b) Các tài liệu kèm theo.

Điều 21. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

2. Đơn vị thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 84 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 22. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

1. Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu khả thi có trách nhiệm tổ chức hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm phù hợp để lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

2. Đơn vị thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu kỹ thuật

a) Đơn vị thẩm định thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 83 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP;

b) Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 84 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 23. Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Đơn vị thẩm định có trách nhiệm thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 83 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, đồng thời lập báo cáo thẩm định theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 83 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Chương V
KÝ KẾT THỎA THUẬN ĐẦU TƯ VÀ HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 24. Đàm phán hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 23 Thông tư này, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP và các đơn vị có liên quan thương thảo, đàm phán, hoàn thiện hợp đồng dự án với nhà đầu tư được lựa chọn.

2. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

Điều 25. Nội dung hợp đồng

Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Điều 32 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP.

Tùy tính chất đặc thù của mỗi dự án, các bên có thể thỏa thuận những nội dung khác với điều kiện không trái với quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.

Các tài liệu kèm theo hợp đồng dự án gồm phụ lục hợp đồng, tài liệu và các giấy tờ nhằm xác nhận hoặc quy định chi tiết nội dung hợp đồng dự án là bộ phận không tách rời của hợp đồng dự án.

Điều 26. Ký kết thỏa thuận đầu tư

Sau khi kết thúc đàm phán các nội dung hợp đồng dự án, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đàm phán lập báo cáo kết quả đàm phán kèm dự thảo văn bản thỏa thuận đầu tư. Nội dung thỏa thuận đầu tư lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định việc ký kết thỏa thuận đầu tư. Bộ Công Thương tổ chức ký kết thỏa thuận đầu tư với chủ đầu tư.

Điều 27. Ký kết hợp đồng

Việc ký kết hợp đồng dự án nhóm B, nhóm C được thực hiện theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Chương VI
GIÁM SÁT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 28. Giám sát thực hiện hợp đồng dự án

1. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C, Bộ trưởng Bộ Công Thương ủy quyền cho đơn vị trực thuộc để giám sát thực hiện hợp đồng dự án. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị được ủy quyền được thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực để hỗ trợ giám sát thực hiện hợp đồng dự án. Chi phí thuê tư vấn được thỏa thuận tại hợp đồng dự án.

2. Đối với các dự án nhóm A, Bộ Công Thương có thể ủy quyền cho đơn vị trực thuộc giám sát thực hiện hợp đồng dự án hoặc thuê tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng nếu cần thiết. Chi phí thuê tư vấn được thỏa thuận tại hợp đồng dự án.

Điều 29. Giám sát chất lượng công trình

1. Việc giám sát chất lượng công trình các dự án đầu tư theo hình thức PPP thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP đề xuất và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch và thành phần Tổ giám sát chất lượng công trình hàng năm.

3. Khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan nhà nước yêu cầu, Bộ Công Thương ủy quyền cho đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng.

Chương VII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 30. Chế độ báo cáo của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo các quy định của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Báo cáo định kỳ

a) Định kỳ 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 và cả năm trước ngày 10 tháng 02 hàng năm, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án lập báo cáo gửi về đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP và các đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư lập và gửi Bộ Công Thương các loại báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo quy định pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư;

c) Nội dung báo cáo phải thể hiện rõ về tiến độ công việc thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tiến độ giải ngân vốn, tiến độ thực hiện các hạng mục...); các vấn đề tồn tại, phát sinh và đề xuất phương án giải quyết; kế hoạch dự kiến triển khai.

3. Báo cáo đột xuất

a) Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo kịp thời về Bộ Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nhà đầu tư có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 31. Chế độ báo cáo của đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực và đơn vị sự nghiệp công lập

Định kỳ 6 tháng, trước ngày 10 tháng 7 và ngày 10 tháng 02 hàng năm, Đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực gửi báo cáo về đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP về tình hình thực hiện các dự án và các số liệu vốn đầu tư các dự án do các đơn vị trực tiếp là chủ đầu tư.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động PPP của Bộ Công Thương, chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này và đề xuất các loại hình dự án hợp tác công tư phù hợp với tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP gửi ý kiến về Bộ Công Thương (Vụ Kế hoạch) để kịp thời hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng